TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:134/2026/QĐST-DS	*Thành phố Huế, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

2. Bà Mai Thị Toán.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Minh Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân Tiên - sát viên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 294/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái Minh N, sinh năm 1998; CCCD số: 046098007636; địa chỉ: C - V, phường V, thành phố H; địa chỉ liên hệ: B N, phường T, thành phố H. Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Phạm Như K, sinh năm 2001; CCCD số: 046301010004; địa chỉ: E N, phường V, thành phố H. Có đơn xin vắng nặt.

- Bà Lê Ngọc H, sinh năm 2003; CCCD số 046303010627; địa chỉ: A N, phường V, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Trúc G, sinh năm 1999 – Luật sư Công ty L; địa chỉ liên hệ: 101A, B N, phường T, thành phố H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Anh N1, sinh năm 2000; địa chỉ: 1 T, phường T, thành phố H. Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị Thương T, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: C N, phường V, thành phố H; địa chỉ hiện tại: C3 – V, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

- Ông Hồ Văn H1, sinh năm 1961; địa chỉ: 1 T, phường T, Thành phố H. Vắng mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Bị đơn ông Hồ Anh N1 công nhận còn nợ ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu đồng) theo Giấy ghi nợ ngày 02/3/2025.

Phía nguyên đơn ông Nguyễn Thái Minh N rút yêu cầu bị đơn ông Hồ Anh N1 phải trả tiền lãi đối với số tiền 160.000. 000 đồng.

2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Vào ngày 30/6/2026, ông Hồ Anh N1 phải trả cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 24.000.000 đồng.

Vào ngày 30/7/2026, ông Hồ Anh N1 phải trả cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 4.000.000 đồng.

Vào ngày 30/8/2026, ông Hồ Anh N1 phải trả cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 4.000.000 đồng.

Vào ngày 30/9/2026, ông Hồ Anh N1 phải trả cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 4.000.000 đồng.

Vào ngày 30/10/2026, ông Hồ Anh N1 phải trả cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 4.000.000 đồng.

Từ ngày 30/11/2026 đến ngày 30/01/2028 (tức là 15 tháng), mỗi tháng vào ngày 30 ông Hồ Anh N1 có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền 8.000.000 đồng. Đối với những tháng không có ngày 30 thì trả số tiền 8.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của tháng đó.

Nếu trong thời trả nợ, ông Hồ Anh N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc vi phạm bất cứ kỳ thanh toán nào thì ông Nguyễn Thái Minh N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương phải chịu án phí là: 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Ông Hồ Anh N1 tự nguyện chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Thái Minh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001176 ngày 02/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng